

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12**  
*(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015**  
**đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 39



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Hữu Tới	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2015) Ủy viên (miễn nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Đình Thiết	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2015) Ủy viên (bổ nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Duy Ước	Ủy viên
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2015)
Ông Lê Phùng Hòa	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2015)
Ông Đỗ Công Hiến	Ủy viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lê Phùng Hòa	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2015) Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2015)
Ông Nguyễn Hữu Tới	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2015)
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Ước	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Chí Dũng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

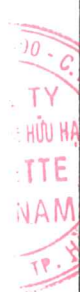
Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



---

**Lê Phùng Hòa**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 12 tháng 8 năm 2015



Số: 80 /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2015, từ trang 4 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được phân loại lại và trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.



**Đặng Chí Dũng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0030-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 12 tháng 8 năm 2015  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Vũ Mai Hương**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0897-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	MẪU SỐ B 01a-DN	
			Đơn vị: VND	Đơn vị: VND
			30/6/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>383.989.081.149</b>	<b>389.335.037.856</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>5.165.369.827</b>	<b>14.190.007.532</b>
1. Tiền	111		4.314.045.692	12.002.335.597
2. Các khoản tương đương tiền	112		851.324.135	2.187.671.935
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>1.175.000.000</b>	<b>234.400.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.175.000.000	234.400.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>255.273.986.172</b>	<b>234.822.620.245</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	203.831.964.111	174.707.764.254
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	18.761.159.832	24.689.960.872
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	61.882.864.395	63.340.139.131
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(29.202.002.166)	(27.915.244.012)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>122.279.250.193</b>	<b>139.742.837.434</b>
1. Hàng tồn kho	141		122.279.250.193	139.742.837.434
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>95.474.957</b>	<b>345.172.645</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		55.891.000	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		39.583.957	345.172.645
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>71.071.498.456</b>	<b>61.161.037.309</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>189.276.187</b>	<b>684.437.720</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		189.276.187	684.437.720
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>34.725.745.034</b>	<b>12.802.247.376</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	21.364.101.299	12.802.247.376
- Nguyên giá	222		68.612.714.994	61.668.387.696
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(47.248.613.695)	(48.866.140.320)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	13.361.643.735	-
- Nguyên giá	228		13.361.643.735	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>14</b>	<b>20.730.872.908</b>	<b>12.055.639.334</b>
- Nguyên giá	231		21.850.325.132	12.916.756.429
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.119.452.224)	(861.117.095)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>21.375.602.613</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	-	21.375.602.613
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>5.100.000.000</b>	<b>5.100.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		5.100.000.000	5.100.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.325.604.327</b>	<b>9.143.110.266</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	10.325.604.327	9.143.110.266
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>455.060.579.605</b>	<b>450.496.075.165</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 39 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU SỐ B 01a-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>367.295.498.335</b>	<b>360.073.346.808</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>340.078.817.349</b>	<b>345.770.140.249</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	30.328.212.490	34.753.351.227
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	75.232.193.205	92.276.343.152
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	4.812.134.085	9.341.495.337
4. Phải trả người lao động	314		6.324.161.683	7.594.734.012
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	58.285.090.101	43.307.111.504
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	67.066.354.065	67.267.026.382
7. Vay ngắn hạn	320	22	97.457.807.507	91.134.882.399
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		572.864.213	95.196.236
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>27.216.680.986</b>	<b>14.303.206.559</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	24	8.514.000.000	-
2. Vay dài hạn	338	23	4.248.943.596	-
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	25	14.453.737.390	14.303.206.559
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>87.765.081.270</b>	<b>90.422.728.357</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>26</b>	<b>87.765.081.270</b>	<b>90.422.728.357</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		58.180.000.000	58.180.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		58.180.000.000	58.180.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.450.293.250	5.450.293.250
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.972.667.153	17.972.667.153
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.162.120.867	8.819.767.954
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		637.283.977	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		5.524.836.890	8.819.767.954
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>455.060.579.605</b>	<b>450.496.075.165</b>

Vũ Nam Hà  
Người lập

Trịnh Công Hùng  
Kế toán trưởng



Lê Phùng Hòa  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 39 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 02a-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015		Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 (Trình bày lại)	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	253.326.903.558	277.712.861.893		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		253.326.903.558	277.712.861.893		
4. Giá vốn hàng bán	11	29	236.868.809.306	262.581.972.282		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		16.458.094.252	15.130.889.611		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	2.209.736.875	3.730.662.176		
7. Chi phí tài chính	22		4.472.117.769	4.247.060.426		
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.472.117.769	4.247.060.426		
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		9.262.909.765	8.929.047.931		
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		4.932.803.593	5.685.443.430		
10. Thu nhập khác	31		956.363.636	17.418.909		
11. Chi phí khác	32		107.828.468	-		
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	32	848.535.168	17.418.909		
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5.781.338.761	5.702.862.339		
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	256.501.871	1.054.679.009		
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		5.524.836.890	4.648.183.330		
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	883	746		

Vũ Nam Hà  
Người lập

Trịnh Công Hùng  
Kế toán trưởng

Lê Phùng Hòa  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 39 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU SỐ B 03a-DN**


Đơn vị: VND

Từ ngày 01/01/2014

đến ngày 30/6/2014

(Trình bày lại)

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 (Trình bày lại)</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>5.781.338.761</b>	<b>5.702.862.339</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.944.344.444	1.738.733.219
Các khoản dự phòng	03	1.437.288.985	11.724.975.507
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(3.146.100.511)	(3.730.662.176)
Chi phí lãi vay	06	4.472.117.769	4.247.060.426
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>10.488.989.448</b>	<b>19.682.969.315</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(20.937.373.860)	22.937.808.242
Giảm hàng tồn kho	10	17.463.587.241	74.944.047.697
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	733.658.481	(118.171.347.612)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(1.238.385.061)	203.321.409
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.676.751.090)	(5.527.866.508)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.397.467.456)	(3.058.727.165)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	2.377.035.134
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(141.416.000)	(2.765.265.541)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(6.705.158.297)</b>	<b>(9.378.025.029)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(15.069.650.263)	-
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	936.363.636	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.175.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	234.400.000	-
5. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.209.736.875	3.067.662.176
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(12.864.149.752)</b>	<b>3.067.662.176</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	77.940.527.777	47.851.831.802
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(67.368.659.073)	(44.901.147.218)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(27.198.360)	(6.698.056.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>10.544.670.344</b>	<b>(3.747.372.216)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(9.024.637.705)</b>	<b>(10.057.735.069)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>14.190.007.532</b>	<b>19.656.878.336</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>5.165.369.827</b>	<b>9.599.143.267</b>

  
**Vũ Nam Hà**  
Người lập  
Ngày 12 tháng 8 năm 2015

  
**Trịnh Công Hùng**  
Kế toán trưởng

  
**Lê Phùng Hòa**  
Tổng Giám đốc



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Xây dựng số 12 thuộc Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam) theo Quyết định số 358/QĐ-BXD ngày 31 tháng 3 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101446753 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 11 năm 2003, thay đổi lần thứ 9 ngày 20 tháng 5 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 58.180.000.000 VND. Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 250 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 262 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Quản lý bất động sản, kinh doanh bất động sản, kinh doanh và phát triển nhà;
- Sản xuất, lắp đặt cửa kính khung nhôm;
- Xây dựng các công trình hệ thống xử lý nước thải, các công trình thông tin, viễn thông, các công trình cấp thoát nước;
- Thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu;
- Xây dựng đường bộ, cầu, cảng, các công trình thủy lợi;
- Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 220KV, xây dựng các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Lắp đặt các loại kết cấu kiện bê tông, kết cấu thép, các hệ thống kỹ thuật công trình, các loại máy móc, thiết bị như: thang máy, điều hòa không khí, thông gió, phòng cháy, cấp thoát nước;
- Lắp đặt các thiết bị cơ điện, điện lạnh, nước và các thiết bị dùng trong xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Khai thác và chế biến các loại kết cấu kiện và vật liệu xây dựng bao gồm: đá, cát, sỏi, đất, gạch, ngói, xi măng, tấm lợp, kính, nhựa đường và các loại vật liệu trong xây dựng công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Và một số hoạt động khác.

Hoạt động chính của Công ty là thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Xây dựng 504 - Vinaconex. Thông tin khái quát về công ty liên kết của Công ty như sau:

	<u>lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng 504 - Vinaconex	Thành phố Nam Định	42,5%	42,5%	Xây lắp và kinh doanh vật liệu xây dựng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được phân loại lại và trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2015</u>
	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	7 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	5 - 7
Tài sản cố định khác	5 - 7

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư phản ánh giá trị Văn phòng Tầng 4 - tòa nhà H10 Thanh Xuân Nam và 05 tầng Văn phòng Tòa nhà 57 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng tại tầng 19, tòa nhà HH2-2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội trong vòng 47 năm. Tiền thuê được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, thiết bị phục vụ thi công các công trình đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Chi phí đi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Công ty không ghi nhận khoản thuế thu nhập hoãn lại nào trong kỳ do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Ban Tổng Giám đốc đang xem xét và đánh giá ảnh hưởng trong việc tuân thủ các quy định của Luật Quản lý thuế tới báo cáo tài chính của Công ty. Việc xác định sau cùng về nghĩa vụ của Công ty tùy thuộc vào kết quả thanh kiểm tra của cơ quan thuế, Công ty sẽ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước sau khi nhận được thông báo từ cơ quan có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	229.796.689	194.193.848
Tiền gửi ngân hàng	4.084.249.003	11.808.141.749
Các khoản tương đương tiền (*)	851.324.135	2.187.671.935
	<u>5.165.369.827</u>	<u>14.190.007.532</u>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long. Số tiền này đang được thế chấp để đảm bảo cho một số khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 22, Công ty đã thế chấp toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng tại một số ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay. Các khoản tiền gửi ngân hàng này vẫn được Công ty sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh với tính thanh khoản ổn định.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Ban điều hành thi công giai đoạn I Dự án Khu đô thị Bắc An Khánh	36.657.280.679	40.981.198.244
Công an tỉnh Hòa Bình	22.210.635.000	723.291.000
Các đối tượng khác	144.964.048.432	133.003.275.010
	<u><b>203.831.964.111</b></u>	<u><b>174.707.764.254</b></u>
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)	<u><b>82.719.110.511</b></u>	<u><b>80.764.453.857</b></u>

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 22, Công ty thế chấp một số khoản phải thu/quyền đòi nợ từ những công trình được các ngân hàng tài trợ/phát hành bảo lãnh để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng.

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng 504 - Vinaconex	5.475.489.000	17.638.537.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại HT	5.300.000.000	-
Các đối tượng khác	7.985.670.832	7.051.423.872
	<u><b>18.761.159.832</b></u>	<u><b>24.689.960.872</b></u>
Trả trước người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)	<u><b>5.544.489.000</b></u>	<u><b>17.707.537.000</b></u>

**9. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tạm ứng	59.887.159.190	58.109.392.585
Ký cược, ký quỹ	191.619.345	3.427.922.956
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.804.085.860	1.802.823.590
	<u><b>61.882.864.395</b></u>	<u><b>63.340.139.131</b></u>
Phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)	<u><b>280.014.958</b></u>	<u><b>-</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**10. NỢ XẤU**

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu quá hạn hoặc khó có khả năng thu hồi	36.502.469.772	7.300.467.606	46.252.725.117	18.337.481.105
<i>Công ty cổ phần Đá trắng Yên Bình</i>	3.066.125.118	-	3.066.125.118	-
<i>Cầu tàu Nam Triệu</i>	2.458.360.532	-	2.458.360.532	-
<i>Các đối tượng khác</i>	30.977.984.122	7.300.467.606	40.728.239.467	18.337.481.105

**11. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	196.542.380	-	57.961.087	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	118.875.666.733	-	134.819.367.877	-
Thành phẩm	3.207.041.080	-	4.865.508.470	-
<b>Cộng</b>	<b>122.279.250.193</b>	<b>-</b>	<b>139.742.837.434</b>	<b>-</b>

Danh sách các công trình đang được thi công dở dang như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Đường Quốc lộ 3 Đông Anh - Yên Phong	12.335.582.771	17.475.655.455
Công trình Quốc lộ 1 Hà Nội - Bắc Giang (Gói 5)	11.708.432.932	12.382.327.933
Hệ thống giao thông thông minh ITS cao tốc	7.170.803.387	11.007.238.893
Trung Lương - Thành phố Hồ Chí Minh		
Công trình Đường Láng - Hòa Lạc	11.002.523.545	10.900.446.712
Hồ chứa nước sông Ray	8.511.197.703	10.275.236.560
Công trình Thủy điện Bản Chát	8.517.642.579	8.653.579.814
Công trình Quốc lộ 1 Hà Nội - Bắc Giang (Gói 8)	7.874.384.456	7.844.993.838
Công trình Quốc lộ 1 Hà Nội - Bắc Giang (Gói 1)	6.910.909.692	720.287.374
Công trình Quốc lộ 1 Hà Nội - Bắc Giang (Gói XL03)	11.612.209.023	-
Trụ sở làm việc Công an tỉnh Hoà Bình	-	4.900.302.709
Trụ sở cơ quan Kiểm toán Nhà Nước khu vực IX	-	4.339.617.233
Công trình Nhà văn hóa thể thao xi măng Hoàng Thạch	-	3.147.194.255
Công trình khác	33.231.980.645	43.172.487.101
	<b>118.875.666.733</b>	<b>134.819.367.877</b>

Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 vẫn cao hơn giá gốc của hàng tồn kho, do đó không cần thiết phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2015	1.150.178.668	45.115.750.071	15.031.327.578	32.436.364	338.695.015	61.668.387.696
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	7.146.854.962	-	-	-	-	7.146.854.962
Mua sắm mới	-	3.059.008.276	-	42.000.000	-	3.101.008.276
Thanh lý, nhượng bán	(163.527.104)	(2.451.184.959)	(656.387.513)	(32.436.364)	-	(3.303.535.940)
Tại ngày 30/6/2015	<b>8.133.506.526</b>	<b>45.723.573.388</b>	<b>14.374.940.065</b>	<b>42.000.000</b>	<b>338.695.015</b>	<b>68.612.714.994</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2015	1.150.178.668	34.550.832.186	12.793.998.087	32.436.364	338.695.015	48.866.140.320
Trích khấu hao trong kỳ	-	1.127.740.951	558.268.364	-	-	1.686.009.315
Thanh lý, nhượng bán	(163.527.104)	(2.451.184.959)	(656.387.513)	(32.436.364)	-	(3.303.535.940)
Tại ngày 30/6/2015	<b>986.651.564</b>	<b>33.227.388.178</b>	<b>12.695.878.938</b>	<b>-</b>	<b>338.695.015</b>	<b>47.248.613.695</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 30/6/2015	<b>7.146.854.962</b>	<b>12.496.185.210</b>	<b>1.679.061.127</b>	<b>42.000.000</b>	<b>-</b>	<b>21.364.101.299</b>
Tại ngày 31/12/2014	-	<b>10.564.917.885</b>	<b>2.237.329.491</b>	-	-	<b>12.802.247.376</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 33.182.075.739 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 35.566.711.679 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 22 và 23, Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 20.925.684.907 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 12.405.954.330 VND) để đảm bảo cho các khoản vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a -DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất thuộc diện tích xây dựng Tòa nhà văn phòng tại số 57 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

**14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2015	12.916.756.429
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	8.933.568.703
Tại ngày 30/6/2015	<u>21.850.325.132</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2015	861.117.095
Khấu hao trong kỳ	258.335.129
Tại ngày 30/6/2015	<u>1.119.452.224</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 30/6/2015	<u><u>20.730.872.908</u></u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>12.055.639.334</u>

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 22, Công ty đã thế chấp Văn phòng Tầng 4 - tòa nhà H10 Thanh Xuân Nam và 05 tầng Văn phòng - Tòa nhà 57 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 20.730.872.908 VND để đảm bảo cho các khoản vay.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 chưa được trình bày trên phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

Tiền thuê Công ty thu được từ việc cho thuê bất động sản đầu tư (toàn bộ bất động sản đầu tư được cho thuê theo hình thức thuê hoạt động) là 194.896.637 VND (6 tháng đầu năm 2014: 193.972.365 VND). Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh phát sinh từ bất động sản đầu tư trong 6 tháng đầu năm 2015 là 258.335.129 VND (cùng kỳ năm 2014: 258.335.129 VND).

**15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Năm 2014 VND
Số dư đầu kỳ	21.375.602.613	-
Tăng trong kỳ	8.066.464.787	11.138.608.190
Phân loại lại từ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	10.236.994.423
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	(29.442.067.400)	-
- Tăng Tài sản cố định hữu hình	(7.146.854.962)	-
- Tăng Tài sản cố định vô hình	(13.361.643.735)	-
- Tăng Bất động sản đầu tư	(8.933.568.703)	-
Số dư cuối kỳ	<u>-</u>	<u>21.375.602.613</u>

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí thi công xây dựng công trình Tòa nhà Văn phòng 57 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Trong kỳ, hoạt động xây dựng cơ bản đã hoàn thành, Tòa nhà đã được Công ty cho thuê và sử dụng làm văn phòng.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 22, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành để đảm bảo cho các khoản vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a -DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng	9.013.788.038	9.126.746.534
Dụng cụ văn phòng	1.021.623.883	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	290.192.406	16.363.732
	<u><b>10.325.604.327</b></u>	<u><b>9.143.110.266</b></u>

Số dư chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm tiền thuê văn phòng trả trước tại tầng 19, tòa nhà HH2-2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội trong vòng 47 năm. Thời gian thuê theo hợp đồng đến hết ngày 27 tháng 12 năm 2056. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 22, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng văn phòng này để đảm bảo cho các khoản vay.

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Tuấn Hải	3.157.418.518	3.157.418.518
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Hùng Quang	2.349.450.597	2.549.450.597
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Ánh Hiền	2.149.474.900	-
Các đối tượng khác	22.671.868.475	29.046.482.112
	<u><b>30.328.212.490</b></u>	<u><b>34.753.351.227</b></u>
Phải trả người bán các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)	<u><b>328.315.750</b></u>	<u><b>449.813.824</b></u>

**18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công an tỉnh Nam Định	7.763.127.000	22.835.242.000
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang	27.856.108.000	3.620.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	8.372.409.000	2.600.000.000
Các khách hàng khác	31.240.549.205	63.221.101.152
	<u><b>75.232.193.205</b></u>	<u><b>92.276.343.152</b></u>
Người mua trả tiền trước từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)	<u><b>36.228.517.000</b></u>	<u><b>11.046.458.630</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a -DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chỉ tiêu	01/01/2015	Phát sinh trong kỳ		30/6/2015
		Số phải nộp	Số đã nộp	
		VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng	514.247.445	7.656.295.126	3.772.762.299	4.397.780.272
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.391.067.174	256.501.871	8.397.467.456	250.101.589
Thuế tài nguyên	97.692.000	334.617.047	358.753.300	73.555.747
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	6.121.737.000	6.121.737.000	-
Các loại thuế khác	338.488.718	591.853.098	839.645.339	90.696.477
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	<i>258.009.468</i>	<i>325.894.830</i>	<i>524.360.731</i>	<i>59.543.567</i>
<i>Thuế khác</i>	<i>80.479.250</i>	<i>265.958.268</i>	<i>315.284.608</i>	<i>31.152.910</i>
<b>Cộng</b>	<b>9.341.495.337</b>	<b>14.961.004.142</b>	<b>19.490.365.394</b>	<b>4.812.134.085</b>

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công trình Bắc An Khánh	9.154.801.196	10.891.879.796
Công trình chung cư 57 Vũ Trọng Phụng	8.873.935.459	13.083.747.307
Trụ sở làm việc Công an tỉnh Hoà Bình	6.738.265.272	-
Công trình Dự án Trạm bơm Cổ Ngựa - Hải Dương	4.328.020.066	-
Công trình Dự án Thủy điện Lai Châu	3.780.352.811	763.210.498
Đường sơ tán dân Cẩm Khê - Yên Lập - Phú Thọ	3.560.628.864	1.232.838.684
Đập phụ số 2 Tân Mỹ Ninh Thuận Góí số 17	1.362.117.349	2.938.320.329
Công trình khác	20.486.969.084	14.397.114.890
	<b>58.285.090.101</b>	<b>43.307.111.504</b>

**21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	56.457.745	7.044.417
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.054.003.378	277.124.178
Phải trả các tổ đội thi công (i)	51.291.496.433	59.439.701.714
Kinh phí bảo trì (ii)	5.742.750.920	5.682.871.456
Cổ tức phải trả	7.701.544.100	165.342.460
Lãi vay vốn cá nhân	339.486.557	710.480.322
Phải trả khác	880.614.932	984.461.835
	<b>67.066.354.065</b>	<b>67.267.026.382</b>

(i) Phải trả các tổ đội thi công của Công ty liên quan đến chi phí thi công các công trình xây lắp.

(ii) Kinh phí bảo trì công trình Tổ hợp Dịch vụ Thương mại - Văn phòng và Nhà ở tại số 57 Vũ Trọng Phụng - Thanh Xuân - Hà Nội.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12**Số 57 Đường Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09a-DN****22. VAY NGẮN HẠN**

Chỉ tiêu	01/01/2015		Phát sinh trong kỳ		30/6/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt (i)	91.134.882.399	91.134.882.399	72.394.336.777	67.204.463.293	96.324.755.883	96.324.755.883
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (ii)	27.235.117.791	27.235.117.791	33.983.845.009	20.402.284.452	40.816.678.348	40.816.678.348
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (ii)	7.899.440.733	7.899.440.733	8.238.280.283	7.899.440.733	8.238.280.283	8.238.280.283
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (iii)	9.332.981.778	9.332.981.778	3.512.803.863	9.332.981.778	3.512.803.863	3.512.803.863
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội (iv)	24.508.948.773	24.508.948.773	4.508.811.915	12.024.220.905	16.993.539.783	16.993.539.783
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (v)	15.881.072.560	15.881.072.560	15.278.377.954	11.268.214.661	19.891.235.853	19.891.235.853
Vay cá nhân (vi)	6.277.320.764	6.277.320.764	6.872.217.753	6.277.320.764	6.872.217.753	6.872.217.753
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 23)</b>	-	-	1.297.247.404	164.195.780	1.133.051.624	1.133.051.624
<b>Cộng</b>	<b>91.134.882.399</b>	<b>91.134.882.399</b>	<b>73.691.584.181</b>	<b>67.368.659.073</b>	<b>97.457.807.507</b>	<b>97.457.807.507</b>

Vay và nợ ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm những khoản sau:

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo Thông báo về việc cấp hạn mức tín dụng và hạn mức bảo lãnh số 600/TB-MB-HQV ngày 24 tháng 10 năm 2014. Theo đó, Bên vay được cấp các khoản tín dụng với số tiền tối đa là 50.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh với số tiền tối đa là 50.000.000.000 VND. Thời hạn cho vay là 9 tháng kể từ khi nhận nợ, thông báo duy trì hạn mức đến ngày 31 tháng 10 năm 2015 và đã được các bên ký kết. Lãi suất và phí được áp dụng theo chính sách tín dụng của Ngân hàng TMCP Quân đội. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản đảm bảo gồm: 01 máy xúc lật ZL40B, 01 trạm trộn bê tông thương phẩm, 02 ô tô trộn bê tông Dongfeng, các khoản phải thu/quyền đòi nợ từ những công trình mà Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt tài trợ/phát hành bảo lãnh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Số 57 Đường Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Báo cáo tài chính  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 09a-DN

#### 22. VAY NGẮN HẠN (Tiếp theo)

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/161828/2015/HĐ ngày 26 tháng 6 năm 2015, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Theo đó, Bên vay được cấp khoản tín dụng với số tiền cam kết tối đa là 20.000.000.000 VND. Lãi suất cho vay được áp dụng theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Thời hạn cho vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản là các máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải theo các Hợp đồng đảm bảo số 0402/2008/HĐĐB ngày 04/02/2008, số 01041/2010/HĐĐB ngày 24/7/2010, số 220/2010/20912 ngày 15/10/2010, số 2106/2011/HĐTC ngày 21/6/2011, số 01/2014/HĐTC ngày 18/7/2014 cam có hợp đồng tiền gửi số 01/HĐTG/VCI2-BIDV.TL/2015 ngày 6/2/2015, và hợp đồng tiền gửi số 02/HĐTG/VCI2-BIDV.TL/2015 ngày 13/02/2015.

(iii) Vay ngắn hạn Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 271113/TDHM-VC12 ngày 27 tháng 11 năm 2013 (thời hạn rút vốn được điều chỉnh đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 theo Phụ lục số 190115/TDHM-VC12-PL01 ngày 19/01/2015), mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó, Bên vay được rút vốn trong thời gian 12 tháng kể từ ngày rút vốn, và được cấp các khoản tín dụng với số tiền cam kết tối đa tại mọi thời điểm là 25.000.000.000 VND. Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày rút vốn. Lãi suất cho vay được áp dụng theo quy định của Bên cho vay từng thời kỳ, phù hợp với quy định của Bên cho vay và Ngân hàng Nhà nước, lãi suất được điều chỉnh 1 tháng một lần theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay được thế chấp bằng 01 căn hộ tại tòa nhà N-05 Trung Hòa Nhân Chính (là tài sản cá nhân), 02 xe chuyển trôn HOKA SINOTRUCK, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Bên vay tại Bên cho vay và các tổ chức tín dụng khác.

(iv) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội, theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 045.14/HĐHM/II.19 ngày 25 tháng 6 năm 2014, mục đích để bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền hàng, tiền mua nguyên vật liệu thi công các công trình và phát hành bảo lãnh dự thầu, bảo hành, thanh toán. Ngân hàng sẽ cung cấp cho Bên vay một hạn mức với số tiền tối đa là 45.000.000.000 VND trong đó hạn mức tín dụng tối đa là 25.000.000.000 VND và hạn mức bảo lãnh tối đa là 45.000.000.000 VND, các hợp đồng có thời gian hiệu lực là một năm kể từ ngày ký. Lãi suất cho vay được quy định theo từng Giấy nhận nợ và sẽ thay đổi theo chính sách của Ngân hàng. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản là số tiền ký quỹ, tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng, quyền thu từ các Hợp đồng số 06/2011/HĐXL ký ngày 03/12/2011, Hợp đồng số 19/2011/HĐ-XD ký ngày 13/12/2011, Hợp đồng số 169/2011/HĐXL ký ngày 25/12/2011, Biên bản thương thảo hợp đồng số NT4/A/10/ICB ký ngày 30/9/2011 (đã làm bảo lãnh bảo hành công trình với giá trị là 2.343.330.815 VND đến ngày 31/5/2015), Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 37/2012/HĐ-BQL ký ngày 09/6/2012, Hợp đồng số 29/2013/HĐXD-TTN ký ngày 15/5/2013, Hợp đồng kinh tế số 19/2013/HĐ-KT ký ngày 05/4/2013 và giá trị Văn phòng Tầng 4 - tòa nhà H10 Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12**Số 57 Đường Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*Bảo cáo tài chính  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**MẪU SỐ B 09a-DN****22. VAY NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

(v) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo Thông báo về việc cấp giới hạn cho vay tín dụng và bảo lãnh số 71/TB/CNTLG-PKHDN ngày 31 tháng 3 năm 2015. Theo đó, Bên vay được cấp giới hạn tín dụng tối đa là 55.000.000.000 VND, trong đó, hạn mức cho vay ngắn hạn không quá 39.000.000.000 VND và hạn mức bảo lãnh không quá 39.000.000.000 VND. Lãi suất và phí được áp dụng theo kết quả xếp hạng tín dụng của Công ty và chính sách tín dụng của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền tài sản phát sinh từ Dự án tổ hợp, dịch vụ thương mại văn phòng cho thuê và nhà ở để bán tại địa chỉ số 57 Vũ Trọng Phụng, áp dụng biện pháp bảo đảm bổ sung là các quyền tài sản từ các hợp đồng kinh tế, Hợp đồng xây lắp vay tại chi nhánh bao gồm: Hợp đồng số 02/2013/HĐXD ngày 22/8/2013, Hợp đồng số 16-ĐHTL/HĐ-ADB5 ngày 15/3/2014, Hợp đồng kinh tế số 679/2014/HĐKT-CABN ngày 8/10/2014, Biên bản thương thảo hợp đồng số 380/BB-BQL ngày 22/9/2014, Hợp đồng tiền gửi số 326/2014/HĐCC-VC12 và số 16TU/2014/HĐCC/326-VC12. Đối với phần giới hạn tín dụng trên 30 tỷ VND được đảm bảo bằng các tài sản đủ điều kiện (bất động sản, quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế).

(vi) Thể hiện các khoản vay cá nhân với lãi suất là 10%/năm và không có tài sản đảm bảo cho các khoản vay này.

**23. VAY DÀI HẠN**

Chỉ tiêu	01/01/2015		Phát sinh trong kỳ		30/6/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn	-	-	5.546.191.000	1.297.247.404	4.248.943.596	4.248.943.596
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt (i)	-	-	5.546.191.000	1.297.247.404	4.248.943.596	4.248.943.596
<b>Cộng</b>	-	-	<b>5.546.191.000</b>	<b>1.297.247.404</b>	<b>4.248.943.596</b>	<b>4.248.943.596</b>

(i) Thể hiện khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 523.14.056.22617.TD ngày 26 tháng 12 năm 2014 với số tiền cho vay tối đa là 5.865.000.000 VND. Khoản vay được dùng để thanh toán cho mục đích mua máy móc thiết bị. Thời gian đáo hạn 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất được xác định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm 01 máy đào, 01 máy lu rung, 01 máy ủi bánh xích.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. VAY DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.133.051.624	-
Trong năm thứ hai	1.133.051.624	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.115.891.972	-
Sau năm năm	-	-
	<u>5.381.995.220</u>	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	1.133.051.624	-
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<u><b>4.248.943.596</b></u>	<u>-</u>

**24. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN**

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn thể hiện tổng số tiền đã nhận được từ Hợp đồng cho thuê văn phòng số 05/2014/HĐTVP/VC12-TJC ngày 29 tháng 11 năm 2015 từ doanh thu cho thuê toàn bộ diện tích từ tầng 1 đến tầng 5, tòa nhà Văn phòng tại số 57 Vũ Trọng Phụng thời hạn cho thuê đến ngày 20 tháng 2 năm 2063 (Tại 31/12/2014: 0 VND).

**25. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản dự phòng bảo hành cho Dự án Chung cư 57 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, Hà Nội được Công ty trích lập bằng 5% doanh thu bán căn hộ lũy kế đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2015 theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MẪU SỐ B 09a-DN

**26. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>58.180.000.000</b>	<b>5.450.293.250</b>	<b>13.218.359.663</b>	<b>4.754.307.490</b>	<b>7.254.706.820</b>	<b>88.857.667.223</b>						
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	8.819.767.954	8.819.767.954						8.819.767.954
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(201.106.820)	(201.106.820)						(201.106.820)
Chia cổ tức 2013	-	-	-	-	(6.981.600.000)	(6.981.600.000)						(6.981.600.000)
Trích thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(72.000.000)	(72.000.000)						(72.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>58.180.000.000</b>	<b>5.450.293.250</b>	<b>13.218.359.663</b>	<b>4.754.307.490</b>	<b>8.819.767.954</b>	<b>90.422.728.357</b>						
Phân loại lại theo Thông tư 200	-	-	4.754.307.490	(4.754.307.490)	-	-						-
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>	<b>58.180.000.000</b>	<b>5.450.293.250</b>	<b>17.972.667.153</b>	<b>-</b>	<b>8.819.767.954</b>	<b>90.422.728.357</b>						
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	5.524.836.890	5.524.836.890						5.524.836.890
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(619.083.977)	(619.083.977)						(619.083.977)
Chia cổ tức năm 2014	-	-	-	-	(7.563.400.000)	(7.563.400.000)						(7.563.400.000)
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	<b>58.180.000.000</b>	<b>5.450.293.250</b>	<b>17.972.667.153</b>	<b>-</b>	<b>6.162.120.867</b>	<b>87.765.081.270</b>						

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 08 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt phương án trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi trả cổ tức từ lợi nhuận sản xuất kinh doanh năm 2014 với số tiền lần lượt là 619.083.977 VND và 7.563.400.000 VND.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Cổ phiếu**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	5.818.000	5.818.000
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) Cổ phiếu phổ thông	-	-
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	5.818.000	5.818.000
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**Tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 9 ngày 20 tháng 5 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 58.180.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo giấy chứng nhận ĐKKD sửa đổi			Vốn thực góp đến ngày 30/6/2015		
	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Thành tiền VND	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Thành tiền VND
- Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	3.060.000	52,6%	30.600.000.000	3.060.000	52,6%	30.600.000.000
- Các cổ đông khác	2.758.000	47,4%	27.580.000.000	2.758.000	47,4%	27.580.000.000
	<b>5.818.000</b>	<b>100%</b>	<b>58.180.000.000</b>	<b>5.818.000</b>	<b>100%</b>	<b>58.180.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Trong kỳ, Công ty chủ yếu cung cấp dịch vụ thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, hoạt động kinh doanh bất động sản và các loại hình kinh doanh khác chiếm tỷ trọng nhỏ. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn từng hoạt động kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 28 và số 29.

Trong kỳ, các công trình của Công ty thi công trên cả nước, không có công trình nào ở ngoài Việt Nam.

**28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Từ ngày 01/01/2015</u> <u>đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014</u> <u>đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh bất động sản	3.010.616.618	-
Doanh thu hợp đồng xây lắp	248.718.505.122	274.990.291.893
Doanh thu khác	1.597.781.818	2.722.570.000
	<u>253.326.903.558</u>	<u>277.712.861.893</u>
Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 37)	<u>63.673.045.446</u>	<u>45.250.760.256</u>

**29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Từ ngày 01/01/2015</u> <u>đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014</u> <u>đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
Giá vốn kinh doanh bất động sản	1.715.699.850	-
Giá vốn hợp đồng xây lắp	233.072.805.821	259.830.486.416
Giá vốn khác	2.080.303.635	2.751.485.866
	<u>236.868.809.306</u>	<u>262.581.972.282</u>

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Từ ngày 01/01/2015</u> <u>đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014</u> <u>đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	102.308.749.001	68.834.816.160
Chi phí nhân công	34.624.924.402	28.852.397.795
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	1.944.344.444	1.738.733.219
Chi phí dịch vụ mua ngoài, bằng tiền khác	91.349.285.794	100.153.116.895
	<u>230.227.303.641</u>	<u>199.579.064.069</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	100.776.832	132.892.566
Lãi ứng vốn cho các đội thi công	1.445.960.043	2.934.769.610
Cổ tức, lợi nhuận được chia	663.000.000	663.000.000
	<b>2.209.736.875</b>	<b>3.730.662.176</b>

**32. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>956.363.636</b>	<b>17.418.909</b>
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	936.363.636	-
- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	936.363.636	-
- Giá trị còn lại của TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	-
Thu nhập khác	20.000.000	17.418.909
<b>Chi phí khác</b>	<b>107.828.468</b>	<b>-</b>
Các khoản phạt chậm nộp thuế	107.828.468	-
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>848.535.168</b>	<b>17.418.909</b>

**33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>5.781.338.761</b>	<b>5.702.862.339</b>
<b>Các khoản điều chỉnh</b>		
Trừ:		
Thu nhập không chịu thuế	(663.000.000)	(663.000.000)
Hoàn nhập dự phòng phải thu quá hạn	(1.593.695.394)	(416.585.702)
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	2.988.282.016	227.526.000
<b>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>6.512.925.383</b>	<b>4.850.802.637</b>
Trong đó:		
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh bất động sản	1.165.917.595	-
- Lãi từ hoạt động khác	5.347.007.788	4.850.802.637
<b>Chuyển lỗ từ hoạt động khác trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>(5.347.007.788)</b>	<b>-</b>
Thuế suất	22%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>256.501.871</b>	<b>1.054.679.009</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	5.524.836.890	4.648.183.330
- Tạm trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	387.803.626	309.541.989
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.137.033.264	4.338.641.342
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (Cổ phiếu)	5.818.000	5.818.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	883	746

**35. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 (Trình bày lại) VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	112.958.496	112.958.496
	<u>30/6/2015</u> VND	<u>31/12/2014</u> VND
Trong vòng một năm	225.916.992	225.916.992
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	903.667.968	903.667.968
Sau năm năm	7.884.203.078	8.110.120.070
	<u>9.013.788.038</u>	<u>9.239.705.030</u>

Số tiền thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 456 m<sup>2</sup> văn phòng tại tầng 19, tòa nhà HH2-2, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội với giá thuê là 25.500.000 VND/m<sup>2</sup>. Thời gian thuê theo hợp đồng là 47 năm, từ ngày 01 tháng 11 năm 2009 đến ngày 27 tháng 12 năm 2056. Số tiền thuê đã được Công ty chi trả một lần tại thời điểm bắt đầu thuê.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 22 và 23, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn góp của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	101.706.751.103	91.134.882.399
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	5.165.369.827	14.190.007.532
Nợ thuần	96.541.381.276	76.944.874.867
Vốn chủ sở hữu	<u>87.765.081.270</u>	<u>90.422.728.357</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>1,10</u>	<u>0,85</u>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.165.369.827	14.190.007.532
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.175.000.000	234.400.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	176.625.667.150	152.023.266.788
<b>Tổng cộng</b>	<u><b>182.966.036.977</b></u>	<u><b>166.447.674.320</b></u>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	101.706.751.103	91.134.882.399
Phải trả người bán và phải trả khác	96.284.105.432	101.736.209.014
Chi phí phải trả	58.285.090.101	43.307.111.504
<b>Tổng cộng</b>	<u><b>256.275.946.636</b></u>	<u><b>236.178.202.917</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các chính sách kế toán chủ yếu (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Độ nhạy của lãi suất**

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối kỳ là số dư tiền vay trong suốt kỳ kế toán, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ giảm/tăng khoảng 2.034 tỷ VND (từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 khoảng 1.329 tỷ VND).

	<u>Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</u> VND
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014		
VND	+200	1.329.632.619
VND	-200	(1.329.632.619)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015		
VND	+200	2.034.135.022
VND	-200	(2.034.135.022)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xem xét và nhận thấy Công ty có một số khoản công nợ phải thu đối với các công trình sử dụng vốn ngân sách và một số khoản phải thu các đối tượng khác đã tồn đọng trên sáu tháng kể từ thời điểm Công ty phát hành hóa đơn, ghi nhận doanh thu. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty và căn cứ vào điều khoản thanh toán trong các hợp đồng kinh tế, do các chủ đầu tư dự án chưa thực hiện xong các thủ tục phê duyệt thanh quyết toán công trình và nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo quy định, nên các khoản phải thu nêu trên chưa được coi là quá hạn thanh toán, và vì vậy, Công ty không có rủi ro trong việc thu hồi các khoản phải thu này.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá khả năng thu hồi các khoản phải thu một cách thận trọng để có cơ sở trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Đối với các khoản phải thu tồn đọng lâu ngày và khó có khả năng thu hồi, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định hiện hành. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng, giá trị thuần công nợ phải thu khách hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã phản ánh đúng giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

30/6/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.165.369.827	-	-	5.165.369.827
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.175.000.000	-	-	1.175.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	176.625.667.150	-	-	176.625.667.150
<b>Tổng cộng</b>	<b>182.966.036.977</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>182.966.036.977</b>
30/6/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	97.457.807.507	4.248.943.596	-	101.706.751.103
Phải trả người bán và phải trả khác	96.284.105.432	-	-	96.284.105.432
Chi phí phải trả	58.285.090.101	-	-	58.285.090.101
<b>Tổng cộng</b>	<b>252.027.003.040</b>	<b>4.248.943.596</b>	<b>-</b>	<b>256.275.946.636</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(69.060.966.063)</b>	<b>(4.248.943.596)</b>	<b>-</b>	<b>(73.309.909.659)</b>
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.190.007.532	-	-	14.190.007.532
Đầu tư tài chính ngắn hạn	234.400.000	-	-	234.400.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	152.023.266.788	-	-	152.023.266.788
<b>Tổng cộng</b>	<b>166.447.674.320</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>166.447.674.320</b>
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	91.134.882.399	-	-	91.134.882.399
Phải trả người bán và phải trả khác	101.736.209.014	-	-	101.736.209.014
Chi phí phải trả	43.307.111.504	-	-	43.307.111.504
<b>Tổng cộng</b>	<b>236.178.202.917</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>236.178.202.917</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(69.730.528.597)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(69.730.528.597)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên do một số khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác là từ các bên liên quan nên Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền và có thể đàm phán với các đối tác và các bên liên quan gia hạn nợ, kéo dài thời gian thanh toán để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng số 504 - Vinaconex	Công ty liên kết
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng mở rộng đường Láng - Hoà Lạc	Đơn vị thuộc Công ty mẹ
Ban điều hành thi công giai đoạn 1 Dự án Khu đô thị Bắc An Khánh	Đơn vị thuộc Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng số 21	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần VIMECO	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Nước sạch	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vinaconex 6	Công ty liên kết của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	Công ty liên kết của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	Công ty liên kết của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	Công ty liên kết của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang	Công ty liên kết của Tổng Công ty
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel	Công ty liên kết của Tổng Công ty

*Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<u>Từ ngày 01/01/2015</u> <u>đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014</u> <u>đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
<b>Bán hàng</b>	<b>63.673.045.446</b>	<b>45.250.760.256</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	42.277.847.209	34.433.856.986
BĐH thị công GĐ 1 dự án KĐT Bắc An Khánh	-	6.883.599.703
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	-	41.495.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	108.490.400	33.518.020
Công ty Cổ phần VIMECO	2.782.687.624	-
Công ty Cổ phần Xây dựng công trình ngầm (Vinavico)	442.349.304	3.858.290.547
Công ty cổ phần BOT Hà Nội - Bắc Giang (gói XL08)	18.061.670.909	-
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>13.736.425.288</b>	<b>38.332.904.078</b>
BĐH thi công GĐ 1 dự án Khu đô thị Bắc An Khánh	-	416.607.001
Công ty Cổ phần VINACONEX 9	221.293.796	365.204.286
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và kinh doanh nước sạch	87.246.947	63.240.063
Công ty Cổ phần Xây dựng 504 - Vinaconex	13.427.884.545	37.487.852.728

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan:*

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>82.719.110.511</b>	<b>80.764.453.857</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	18.123.121.682	14.003.346.787
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	1.661.414.000	1.661.414.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	67.708.000	67.708.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	175.768.169	106.428.729
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng mở rộng đường Láng Hòa Lạc	14.474.206.073	14.474.206.073
Ban điều hành thi công giai đoạn 1 Dự án Khu đô thị Bắc An Khánh	36.657.280.679	40.981.198.244
Công ty Cổ phần Xây dựng công trình ngầm (Vinavico)	8.442.494.710	9.413.991.212
Công ty Cổ phần VIMECO	3.117.117.198	56.160.812
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>5.544.489.000</b>	<b>17.707.537.000</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng số 504 - Vinaconex	5.475.489.000	17.638.537.000
Công ty Cổ phần VIMECO Cơ khí và Thương mại	69.000.000	69.000.000
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 504 - Vinaconex	280.014.958	-
<b>Phải trả người bán</b>	<b>328.315.750</b>	<b>449.813.824</b>
Công ty Cổ phần VIMECO	323.894.500	374.894.500
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	4.421.250	74.919.324
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>36.228.517.000</b>	<b>11.046.458.630</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	8.372.409.000	7.426.458.630
Công ty Cổ phần đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang	27.856.108.000	3.620.000.000
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>38.498.357</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng 504 - Vinaconex	-	38.498.357
<b>Gốc vay phải trả</b>		
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel	3.512.803.863	9.332.981.778

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

*Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:*

	<u>Từ ngày 01/01/2015</u> <u>đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014</u> <u>đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
Lương, tiền thưởng, các khoản phúc lợi khác	756.509.000	668.542.000

**38. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán. Một số số liệu đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, số liệu này đã được soát xét và đã được phân loại lại và trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

	<u>Mã số</u>	<u>Số đã báo cáo</u>	<u>Phân loại lại</u>	<u>Số sau phân loại lại</u>
		VND	VND	VND
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
<b>tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>				
<b><u>Tài sản</u></b>				
Phải thu ngắn hạn khác	136	1.802.823.590	61.537.315.541	63.340.139.131
Tài sản ngắn hạn khác	155	61.537.315.541	(61.537.315.541)	-
Phải thu dài hạn khác	216	-	684.437.720	684.437.720
Tài sản dài hạn khác	268	684.437.720	(684.437.720)	-
<b>Tổng cộng tài sản</b>		<b>450.496.075.165</b>	<b>-</b>	<b>450.496.075.165</b>
<b><u>Nguồn vốn</u></b>				
Quỹ đầu tư phát triển	418	13.218.359.663	4.754.307.490	17.972.667.153
Quỹ dự phòng tài chính		4.754.307.490	(4.754.307.490)	-
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>		<b>450.496.075.165</b>	<b>-</b>	<b>450.496.075.165</b>

	<u>Mã số</u>	<u>Số đã báo cáo</u>	<u>Trình bày lại</u>	<u>Số sau trình bày lại</u>
		VND	VND	VND
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
<b>cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014</b>				
<b>đến ngày 30/6/2014</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	799	(53)	746



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**38. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)**

	<u>Mã số</u>	<u>Số đã báo cáo</u>	<u>Trình bày lại</u>	<u>Số sau trình bày lại</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>				
<b>cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014</b>				
<b>đến ngày 30/6/2014</b>				
Các khoản dự phòng	03	1.123.046.772	10.601.928.735	11.724.975.507
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(107.569.418.877)	(10.601.928.735)	(118.171.347.612)



**Vũ Nam Hà**  
Người lập

Ngày 12 tháng 8 năm 2015



**Trịnh Công Hùng**  
Kế toán trưởng



**Lê Phùng Hòa**  
Tổng Giám đốc